

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 3 trang)

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 1246

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: $\lim_{x \rightarrow -2} \frac{2|x+1| - 5\sqrt{x^2-3}}{2x+3}$ bằng

- A. 7. B. 3. C. $\frac{1}{7}$. D. $\frac{1}{3}$.

Câu 2: Cho ba mặt phẳng phân biệt $(P), (Q), (R)$ có $(P) \cap (Q) = d_1$; $(Q) \cap (R) = d_2$; $(P) \cap (R) = d_3$. Biết rằng d_1 và d_2 cắt nhau. Khi đó ba đường thẳng d_1, d_2, d_3

- A. đồng quy. B. đôi một song song.
C. đôi một song song hoặc đồng quy. D. đôi một cắt nhau.

Câu 3: Phương trình $1 - \cos 2x = 0$ có tập nghiệm là:

- A. $\left\{ \frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$. B. $\left\{ \frac{\pi}{4} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$. C. $\{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$. D. $\{k2\pi, k \in \mathbb{Z}\}$.

Câu 4: Cho cấp số nhân (u_n) , biết $u_1 = 1, q = 2$. Hỏi số 1024 là số hạng thứ mấy?

- A. Số hạng thứ 9. B. Số hạng thứ 8. C. Số hạng thứ 10. D. Số hạng thứ 11.

Câu 5: Cho cấp số cộng, biết $u_1 = -3; u_6 = 27$. Công sai của cấp số cộng đó là

- A. $d = 5$. B. $d = 8$. C. $d = 6$. D. $d = 7$.

Câu 6: Cho dãy số (u_n) , biết $u_n = \frac{2n^2 - 1}{n^2 + 3}$. Tìm số hạng u_5 .

- A. $u_5 = \frac{71}{39}$. B. $u_5 = \frac{1}{4}$. C. $u_5 = \frac{17}{12}$. D. $u_5 = \frac{7}{4}$.

Câu 7: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai?

- A. Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.
B. Tồn tại bốn điểm không cùng thuộc một mặt phẳng.
C. Có một và chỉ một mặt phẳng đi qua ba điểm phân biệt.
D. Hai mặt phẳng phân biệt có một điểm chung thì chúng có một đường thẳng chung duy nhất chứa tất cả các điểm chung của hai mặt phẳng đó.

Câu 8: Trong các hàm số $y = \sin x, y = \cos x, y = \tan x, y = \cot x$ có bao nhiêu hàm số có chu kỳ là 2π ?

- A. 1. B. 2. C. 0. D. 3.

Câu 9: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Gọi A', B' lần lượt là trung điểm của SA, SB . Đường thẳng $A'B'$ song song với mặt phẳng nào dưới đây?

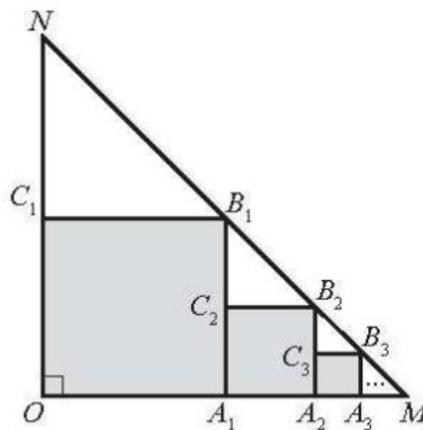
- A. (SAD) . B. $(ABCD)$. C. (SAB) . D. (SBC) .

Câu 2: Cho hàm số $y = f(x) = \begin{cases} |x^2 - 3x + 2| & \text{khi } x \geq 0 \\ x + 1 & \text{khi } x < 0 \end{cases}$.

Hàm số $f(x)$ gián đoạn tại bao nhiêu điểm?

Câu 3: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành tâm O . Trên các cạnh SB, SD lần lượt lấy các điểm M, N sao cho $\frac{SM}{SB} = \frac{SN}{SD} = \frac{2}{3}$. Mặt phẳng (α) đi qua điểm O và song song với mặt phẳng (AMN) cắt SC tại J . Tính tỉ số $\frac{SJ}{SC}$.

Câu 4: Cho tam giác OMN vuông cân tại O , $OM = ON = 5$. Trong tam giác OMN , vẽ hình vuông $OA_1B_1C_1$ sao cho các đỉnh A_1, B_1, C_1 lần lượt nằm trên các cạnh OM, MN, ON . Trong tam giác A_1MB_1 , vẽ hình vuông $A_1A_2B_2C_2$ sao cho các đỉnh A_2, B_2, C_2 lần lượt nằm trên các cạnh A_1M, MB_1, A_1B_1 . Tiếp tục quá trình đó mãi mãi, ta được một dãy các hình vuông (tham khảo hình vẽ dưới đây). Tính tổng diện tích các hình vuông này (làm tròn đến hàng phần trăm).



Câu 5: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Gọi E, F, K lần lượt là các điểm thuộc các cạnh AB, SA, SD (khác đầu mút) sao cho $\frac{EA}{EB} = \frac{FA}{FS} = \frac{KD}{KS}$ và gọi H là giao điểm của cạnh CD và mặt phẳng (EFK) . Xét các khẳng định sau:

- (1) $EK \parallel (SBC)$.
- (2) $KH \parallel (SBC)$.
- (3) $EH \parallel (SAD)$.
- (4) $FK \parallel (SAD)$.

Trong các khẳng định trên có tất cả bao nhiêu khẳng định đúng?

Câu 6: Cho cấp số nhân (u_n) xác định bởi $\begin{cases} u_1 = 3 \\ u_{n+1} = -2u_n, \forall n \in \mathbb{N}^* \end{cases}$. Số 3072 là số hạng thứ mấy của cấp số nhân này

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh:Số báo danh:

Mã đề thi 2103

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Cho hàm số $f(x)$ xác định trên \mathbb{R} , liên tục tại $x=1$ và thỏa mãn $\lim_{x \rightarrow 1} f(x) = 5$. Khi đó $f(1)$ bằng bao nhiêu?

- A. $f(1) = 5$. B. $f(1) = -5$. C. $f(1) = -1$. D. $f(1) = 1$.

Câu 2: Cho ba mặt phẳng phân biệt $(P), (Q), (R)$ có $(P) \cap (Q) = d_1$; $(Q) \cap (R) = d_2$; $(P) \cap (R) = d_3$. Biết rằng d_1 và d_2 cắt nhau. Khi đó ba đường thẳng d_1, d_2, d_3

- A. đôi một song song hoặc đồng quy. B. đồng quy.
C. đôi một cắt nhau. D. đôi một song song.

Câu 3: $\lim_{x \rightarrow -2} \frac{2|x+1| - 5\sqrt{x^2 - 3}}{2x+3}$ bằng.

- A. $\frac{1}{7}$. B. $\frac{1}{3}$. C. 7. D. 3.

Câu 4: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai?

- A. Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.
B. Có một và chỉ một mặt phẳng đi qua ba điểm phân biệt.
C. Tồn tại bốn điểm không cùng thuộc một mặt phẳng.
D. Hai mặt phẳng phân biệt có một điểm chung thì chúng có một đường thẳng chung duy nhất chứa tất cả các điểm chung của hai mặt phẳng đó.

Câu 5: Cho hình hộp $ABCD.A'B'C'D'$. Mặt phẳng $(BC'D)$ song song với mặt phẳng nào trong các mặt phẳng sau đây?

- A. (BDA') . B. $(AB'D')$. C. (BCA') . D. $(A'C'C)$.

Câu 6: Cho cấp số cộng, biết $u_1 = -3$; $u_6 = 27$. Công sai của cấp số cộng đó là

- A. $d = 7$. B. $d = 8$. C. $d = 5$. D. $d = 6$.

Câu 7: Cho dãy số (u_n) , biết $u_n = \frac{2n^2 - 1}{n^2 + 3}$. Tìm số hạng u_5 .

- A. $u_5 = \frac{7}{4}$. B. $u_5 = \frac{17}{12}$. C. $u_5 = \frac{71}{39}$. D. $u_5 = \frac{1}{4}$.

Câu 8: Tìm $\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{7n^2 + 5n + 1954}{n^2 + 1}$?

- A. 7. B. 5. C. $+\infty$. D. 1954.

Câu 9: Cho cấp số nhân (u_n) , biết $u_1 = 1, q = 2$. Hỏi số 1024 là số hạng thứ mấy?

- A. Số hạng thứ 8. B. Số hạng thứ 10. C. Số hạng thứ 9. D. Số hạng thứ 11.

Câu 10: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Gọi A', B' lần lượt là trung điểm của SA, SB . Đường thẳng $A'B'$ song song với mặt phẳng nào dưới đây?

- A. $(ABCD)$. B. (SBC) . C. (SAD) . D. (SAB) .

Câu 11: Trong các hàm số $y = \sin x, y = \cos x, y = \tan x, y = \cot x$ có bao nhiêu hàm số có chu kì là 2π ?

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 12: Phương trình $1 - \cos 2x = 0$ có tập nghiệm là:

- A. $\left\{ \frac{\pi}{2} + k2\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$. B. $\{k2\pi, k \in \mathbb{Z}\}$. C. $\{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$. D. $\left\{ \frac{\pi}{4} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho cấp số nhân (u_n) có $u_1 = -3$ và $q = -2$.

- a) Số 192 là số hạng hạng thứ 7.
 b) Số hạng tổng quát của cấp số nhân đã cho là $u_n = -3 \cdot (-2)^{n-1}$
 c) Số hạng thứ 2 của cấp số nhân đã cho là $u_2 = 6$.
 d) Tổng 10 số hạng đầu tiên của cấp số nhân đã cho $S_{10} = 1023$.

Câu 2: Cho hàm số $f(x) = \frac{\sqrt{4x^2+1}}{2x+1}$ và $g(x) = \frac{2x}{2x+3}$.

- a) $\lim_{x \rightarrow -\infty} f(x) = 1$. b) $\lim_{x \rightarrow +\infty} \frac{f(x)}{g(x)} = -1$.
 c) $\lim_{x \rightarrow -\infty} g(x) = 1$. d) $\lim_{x \rightarrow -\infty} (f(x) - g(x)) = -2$.

Câu 3: Cho hàm số $y = f(x) = \begin{cases} \frac{x^2 - x - 2}{x - 2} & \text{ khi } x \neq 2 \\ 2x - 1 & \text{ khi } x = 2 \end{cases}$.

- a) Hàm số gián đoạn tại điểm $x = 2$.
 b) Hàm số không liên tục trên \mathbb{R} .
 c) Tập xác định của hàm số là $D = \mathbb{R} \setminus \{2\}$.
 d) Hàm số liên tục tại điểm $x = 2$ khi và chỉ khi $\lim_{x \rightarrow 2} f(x) = f(2)$.

Câu 4: Cho hình hộp $ABCD \cdot A'B'C'D'$. Gọi G_1, G_2 là trọng tâm của các tam giác $A'BD, B'D'C$.

- a) $A'D'CB$ là hình bình hành b) $G_1G_2 = \frac{2}{3}AC'$
 c) G_1, G_2 cùng thuộc AC' d) $(A'BD) // (B'D'C)$

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

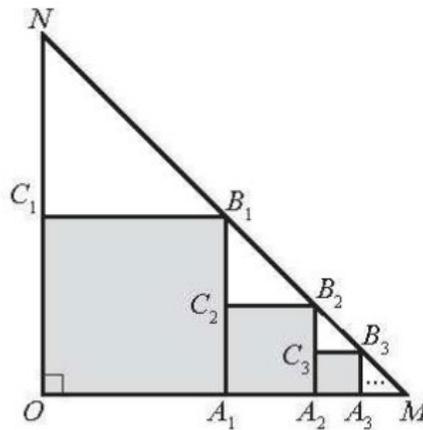
Câu 1: Cho hàm số $y = f(x) = \begin{cases} |x^2 - 3x + 2| & \text{ khi } x \geq 0 \\ x + 1 & \text{ khi } x < 0 \end{cases}$.

Hàm số $f(x)$ gián đoạn tại bao nhiêu điểm?

Câu 2: Cho cấp số nhân (u_n) xác định bởi $\begin{cases} u_1 = 3 \\ u_{n+1} = -2u_n, \forall n \in \mathbb{N}^* \end{cases}$. Số 3072 là số hạng thứ mấy của cấp số nhân này

Câu 3: Chi phí (đơn vị: triệu đồng) để sản xuất x sản phẩm của một công ty được xác định bởi hàm số: $C(x) = 5x + 12$ (triệu đồng). Khi số sản phẩm sản xuất ra càng lớn thì chi phí trung bình của mỗi sản phẩm ngày càng giảm nhưng không vượt quá a triệu đồng. Tìm giá trị nhỏ nhất của a .

Câu 4: Cho tam giác OMN vuông cân tại O , $OM = ON = 5$. Trong tam giác OMN , vẽ hình vuông $OA_1B_1C_1$ sao cho các đỉnh A_1, B_1, C_1 lần lượt nằm trên các cạnh OM, MN, ON . Trong tam giác A_1MB_1 , vẽ hình vuông $A_1A_2B_2C_2$ sao cho các đỉnh A_2, B_2, C_2 lần lượt nằm trên các cạnh A_1M, MB_1, A_1B_1 . Tiếp tục quá trình đó mãi mãi, ta được một dãy các hình vuông (tham khảo hình vẽ dưới đây). Tính tổng diện tích các hình vuông này (làm tròn đến hàng phần trăm).



Câu 5: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành tâm O . Trên các cạnh SB, SD lần lượt lấy các điểm M, N sao cho $\frac{SM}{SB} = \frac{SN}{SD} = \frac{2}{3}$. Mặt phẳng (α) đi qua điểm O và song song với mặt phẳng (AMN) cắt SC tại J . Tính tỉ số $\frac{SJ}{SC}$

Câu 6: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình bình hành. Gọi E, F, K lần lượt là các điểm thuộc các cạnh AB, SA, SD (khác đầu mút) sao cho $\frac{EA}{EB} = \frac{FA}{FS} = \frac{KD}{KS}$ và gọi H là giao điểm của cạnh CD và mặt phẳng (EFK) . Xét các khẳng định sau:

- (1) $EK \parallel (SBC)$. (2) $KH \parallel (SBC)$.
- (3) $EH \parallel (SAD)$. (4) $FK \parallel (SAD)$.

Trong các khẳng định trên có tất cả bao nhiêu khẳng định đúng?

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Câu\Mã đề	2103	5378	1246	3579
1	A	A	B	B
2	B	D	A	D
3	D	B	C	B
4	B	D	D	A
5	B	B	C	C
6	D	A	D	C
7	A	C	C	C
8	A	D	B	D
9	D	C	B	C
10	A	A	A	A
11	C	C	A	A
12	C	B	B	A
13	SĐĐĐ	ĐSĐĐ	ĐĐĐS	SSSĐ
14	SSĐĐ	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐĐS
15	SSSĐ	SĐSS	SSĐS	SĐĐS
16	ĐSĐĐ	SĐĐS	SSĐĐ	ĐĐSĐ
17	1	1	5	11
18	11	11	1	1
19	5	5	0,75	3
20	8,33	8,33	8,33	5
21	0,75	0,75	3	8,33
22	3	3	11	0,75

Câu	Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	2103	A	B	D	B	B	D	A	A	D
	5378	A	D	B	D	B	A	C	D	C
	1246	B	A	C	D	C	D	C	B	B
	3579	B	D	B	A	C	C	C	D	C

10	11	12	13					14	
A	C	C	SDDD	S	D	D	D	SSDD	S
A	C	B	DSDD	D	S	D	D	SDDD	S
A	A	B	DDDS	D	D	D	S	SDDD	S
A	A	A	SSSD	S	S	S	D	DDDS	D

			15					16	
S	Đ	Đ	SSSĐ	S	S	S	Đ	ĐSĐĐ	Đ
Đ	Đ	Đ	SĐSS	S	Đ	S	S	SĐĐS	S
Đ	Đ	Đ	SSĐS	S	S	Đ	S	SSĐĐ	S
Đ	Đ	S	SĐĐS	S	Đ	Đ	S	ĐĐSĐ	Đ

			17	18	19	20	21	22
S	Đ	Đ	1	11	5	8,33	0,75	3
Đ	Đ	S	1	11	5	8,33	0,75	3
S	Đ	Đ	5	1	0,75	8,33	3	11
Đ	S	Đ	11	1	3	5	8,33	0,75

		§3. Cấp số nhân	<p>Biết: – Nhận biết được một dãy số là cấp số nhân.</p> <p>Hiểu: – Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân. – Tính được tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân.</p> <p>Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: một số vấn đề trong Sinh học, trong Giáo dục dân số.....)</p>	Câu 9		Câu 13a Câu 13b	Câu 13c	Câu 13d			Câu 19			
3	Chương III. Giới hạn. Hàm số liên tục	§1. Giới hạn của dãy số	<p>Biết: – Nhận biết được khái niệm giới hạn của dãy số. – Giải thích được một số giới hạn cơ bản như: $\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{1}{n^k} = 0 \quad (k \in \mathbb{N}^*); \quad \lim_{n \rightarrow +\infty} q^n = 0$ $(q < 1); \quad \lim_{n \rightarrow +\infty} c = c$ với c là hằng số. – Vận dụng được các phép toán giới hạn dãy số để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản (ví dụ: $\lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{2n+1}{n}; \quad \lim_{n \rightarrow +\infty} \frac{\sqrt{4n^2+1}}{n}$).</p> <p>Hiểu: – Giải thích được một số giới hạn cơ bản</p>	Câu 10							Câu 20			

		$\lim_{x \rightarrow a^+} \frac{1}{x-a} = +\infty; \lim_{x \rightarrow a^-} \frac{1}{x-a} = -\infty.$ <p>Hiểu: Tính được một số giới hạn hàm số bằng cách vận dụng các phép toán trên giới hạn hàm số.</p> <p>Vận dụng: – Tính được một số giới hạn hàm số bằng cách vận dụng các phép toán trên giới hạn hàm số. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn hàm số.</p>												
	§3. Hàm số liên tục	<p>Biết: – Nhận dạng được hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, hoặc trên một đoạn. – Nhận dạng được tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. – Nhận biết được tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm phân thức, hàm căn thức, hàm lượng giác) trên tập xác định của chúng.</p> <p>Hiểu: - Xét được tính liên tục của hàm số tại một điểm, hoặc trên một khoảng, hoặc trên một đoạn. - Xét được tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Xét được tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm phân thức, hàm căn thức, hàm lượng giác) trên tập xác định của chúng.</p> <p>Vận dụng: - Xét được tính liên tục của một</p>		Câu 12		Câu 15a Câu 15b	Câu 15c Câu 15d				Câu 21			

		<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được hai đường thẳng song song <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng được kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn</p>												
	§3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích được điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích được tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được đường thẳng song song với mặt phẳng <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức về đường thẳng song song với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn 	Câu 7											
	§4. Hai mặt phẳng song song	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hai mặt phẳng song song trong không gian. - Giải thích được điều kiện để hai mặt phẳng song song. - Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. - Giải thích được định lý Thalès trong không gian. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được hai đường thẳng song song <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức về quan hệ song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn. 	Câu 8			Câu 16a	Câu 16c	Câu 16d		Câu 18				
	§5. Hình lăng trụ và hình hộp	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được tính chất cơ bản của lăng trụ và hình hộp. <p>Vận dụng:</p>				Câu 16					Câu 22			

			– Vận dụng được tổng hợp các kiến thức về quan hệ song song trong không gian, tính chất của hình lăng trụ để chứng minh các tính chất hình học không gian.												
Tổng số câu				8	4		8	4	4		2	4			
Tổng số điểm				2,0	1,0		2,0	1,0	1,0		1,0	2,0			
Tỉ lệ %				3,0			4,0			3,0					
Tỉ lệ %				30%			40%			30%					

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 – NĂM HỌC 2025 – 2026

Học văn môn học		Năng lực toán học									
Chủ đề	Nội dung	TNKQ			Câu hỏi đúng sai			Trả lời ngắn			Tự luận
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
Chương I. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giá	§3. Hàm số lượng giác và đồ thị	Câu 1									
	§4. Phương trình lượng giác cơ bản	Câu 2									
Chương II. Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân	§1. Dãy số	Câu 3									
	§2. Cấp số cộng	Câu 4									
	§3. Cấp số nhân		Câu 9		Câu 13a, 13b	Câu 13c	Câu 13d			Câu 19	
Chương III. Giới hạn. Hàm số liên tục	§1. Giới hạn của dãy số		Câu 10							Câu 20	
	§2. Giới hạn của hàm số		Câu 11		Câu 14a, 14b	Câu 14c	Câu 14d		Câu 17		
	§3. Hàm số liên tục		Câu 12		Câu 15a, 15b	Câu 15c	Câu 15d			Câu 21	
Chương IV. Quan hệ song song	§1. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Câu 5									
	§2. Hai đường thẳng song song trong không gian	Câu 6									
	§3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	Câu 7									
	§4. Hai mặt phẳng song song	Câu 8			Câu 16a, 16b	Câu 16c	Câu 16d		Câu 18		
	§5. Hình lăng trụ và hình hộp									Câu 22	
Tổng số câu hỏi		8	4		8	4	4		2	4	
Tổng số điểm		2,0	1,0		2,0	1,0	1,0		1,0	2,0	
		3,0			4,0			3,0			
Tỉ lệ %		30%			40%			30%			

Xem thêm: ĐỀ THI HK1 TOÁN 11
<https://toanmath.com/de-thi-hk1-toan-11>